TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN B PHỦ
TỈNH ĐIỆN B

Bản án số: 16/2023/DS-ST
Ngày: 19 - 5 - 2023
V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản

CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN B PHỦ, TỈNH ĐIỆN B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Thu Hà và bà Lò Thị Hiêng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Hồng, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện B Phủ, tỉnh Điện B;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện B Phủ, tỉnh Điện B tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thắm, là Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Điện B Phủ, tỉnh Điện B; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 49/2023/TLST- DS ngày 30 tháng 01 năm 2023 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay vốn" , theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐXX-ST ngày 10 tháng 4 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 21/2023/QĐST - DS ngày 27/4/2023; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng C; địa chỉ trụ sở: Số 169, phố L, phường H, quận H, thành phố H; người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T, chức vụ: Tổng giám đốc; người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Bích Th, chức vụ: Phó giám đốc Chi nhánh Ngân hàng C tỉnh Đ, địa chỉ: Tổ dân phố 24, phường M, thành phố Đ, tỉnh Đ - Có mặt.

Bị đơn: Bà Lò Thị H và ông Lường Văn B, cùng địa chỉ: Bản N, xã T, thành phố Đ, tỉnh Điện Đ - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Tại đơn khởi kiện ngày 20/12/2022 và trong quá trình giải quyết, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bầy:

Ngân hàng C (*sau đây ghi tắt là Ngân hàng*) có cho vợ chồng ông Lường Văn B và bà Lò Thị H vay hai khoản tiền vốn, với tổng số là 52.000.000 đồng; cụ thể:

Lần 1. Ngày 15/9/2016 cho vay 40.000.000 đồng vốn của chương trình cho vay hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn; số tiền này bà H đã nhận theo phiếu giải ngân cùng ngày; thời hạn vay 60 tháng, hạn trả nợ là ngày 15/9/2021. Lãi trong hạn vay từ ngày 15/9/2016 đến ngày 15/9/2021 là 9%/năm = 18.009.863 đồng, đã trả 8.516.715 đồng, chưa trả là 9.493.148. Lãi quá hạn bằng 130 % lãi trong hạn (*11,7%/*

năm) từ 15/9/2021 đến nay chưa trả (*lãi theo chương trình cho vay hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn của Ngân hàng chính sách xã hội*).

Lần 2. Ngày 15/12/2016 cho vay 12.000.000 đồng vốn của chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; số tiền này bà H đã nhận theo phiếu giải ngân cùng ngày; thời hạn vay 60 tháng, hạn trả nợ là ngày 15/12/2021. Lãi xuất trong hạn vay từ ngày 15/12/2016 đến ngày 15/12/2021 là 9%/năm = 5.402.959 đồng, đã trả lãi là 1.615.458 đồng, chưa trả 3.787.501 đồng. Lãi quá hạn bằng 130 % lãi xuất trong hạn (*11,7%/năm*) từ ngày 15/12/2021 đến nay chưa trả (*lãi theo chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn của Ngân hàng chính sách xã hội*).

Bà H là thành viên của tổ vay vốn phụ nữ của bản N, xã T, thành phố Đ, tỉnh Đ. Lãi xuất cho vay được thực hiện thông báo số 1569/TB-NHCS ngày 02/06/2015 của Ngân hàng chính sách xã hội, được công khai đến xã, phường và các tổ vay vốn và thể hiện tại các tờ theo dõi cho vay, thu nợ, dư nợ giữa Ngân hàng với người vay. Cho đến nay đã quá hạn trả nợ, nhưng ông bà B, bà H không trả hết nợ cho Ngân hàng; Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông B, bà H phải trả cho Ngân hàng những khoản tiền sau:

- Khoản tiền nợ gốc 52.000.000 đồng (*40.000.000 đồng vay theo chương trình hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn và 12.000.000 đồng vay theo chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn*).

- Khoản tiền nợ lãii:

+ Lãi trong hạn 13.280.649 (*khoản vay 40.000.000 đồng là 9.493.148 đồng; khoản vay 12.000.000 đồng là 3.787.501 đồng*);

+ Lãi quá hạn với mức 11,7%/năm: Khoản vay 40.000.000 đồng từ ngày 15/9/2021 cho đến khi trả hết nợ; khoản vay 12.000.000 đồng từ ngày 15/12/2021 đến khi trả hết nợ.

2. Bị đơn ông Lò Văn B và bà Lò Thị H không có văn bản trả lời thông báo thụ lý vụ án, vắng mặt tại các phiên họp và vắng mặt tại phiên tòa.

3. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng pháp luật Tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, thì yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là có căn cứ; bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng không trả lời và vắng mặt tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] ***Về thủ tục tố tụng***:

- Về thủ tục thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 11/01/2023 nguyên đơn Ngân hàng C (*sau đây ghi tắt là Nguyên đơn)* nộp 02 đơn khởi kiện về việc Tranh chấp hợp đồng vay vốn tại Tòa án nhân dân thành phố Điện B Phủ, tỉnh Điện B đối với bị đơn ông Lường Văn B và bà Lò Thị H (*sau đây ghi tắt là Bị đơn*);

Bị đơn đều có địa chỉ tại thành phố Điện B Phủ, tỉnh Điện B; Nguyên đơn thuộc trường hợp không phải nộp tạm ứng án phí. Ngày 30/01/2023 Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự (*sau đây ghi tắt là BLTTDS*).

- Các vấn đề khác:

+ Tại phiên tòa, Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với phần lãi xuất qúa hạn, theo đó yêu cầu Tòa án giải quyết về lãi xuất quá hạn đối với số nợ gốc từ ngày quá hạn đến khi trả hết nợ, không tính số tiền lãi quá hạn đến ngày 30/11/2022 như đơn khởi kiện ban đầu. Sự thay đổi này không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu theo khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

+ Bị đơn không có yêu cầu phản tố, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do tại phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của BLTTDS.

[2] ***Về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn***:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa thì:

Các bị đơn là ông Lường Văn B và bà Lò Thị H có đăng ký kết hôn vào ngày 03.4.2008 tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Minh, thành phố Điện B Phủ, tỉnh Điện B; bà H là thành viên của tổ vay vốn thuộc tổ chức hội phụ nữ của bản N, xã T, thành phố Đ, tỉnh Đ; Bà H có vay Nguyên đơn hai khoản tiền sau:

- Ngày 15/9/2016 vay 40.000.000 đồng theo chương trình cho vay hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn; hạn trả ngày 15/9/2021; lãi trong hạn 09%/năm; lãi quá hạn 11, 7%/năm.

- Ngày 15/12/2016 cho vay 12.000.000 đồng vốn của chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; hạn trả ngày 15/12/2021; lãi trong hạn 9%/năm; lãi quá hạn 11,7%/năm.

Theo Nguyên đơn thì Bị đơn mới trả được một phần lãi trong hạn; tiền gốc chưa trả, nên Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng Bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Nguyên đơn. Tòa án đã thông báo việc thụ lý yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn đối với Bị đơn; hỗ trợ Nuyên đơn gửi cho Bị đơn bản sao đơn khởi kiện, bản sao các tài liệu chứng cứ Nguyên đơn đã nộp cho Tòa án; nhưng Bị đơn không trả lời thông báo thụ lý vụ án, vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và H giải, vắng mặt tại phiên tòa; tự từ bỏ quyền được trình bầy ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về việc vợ chồng Bị đơn phải trả cho Ngân hàng tiền vay gốc, tiền lãi trong hạn còn lại và lãi quá hạn từ ngày chậm trả cho đến khi trả hết nợ là có căn cứ theo theo Điều 463, 466, 468 và Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 (*Sau đây viết tắt là BLDS 2015*); phù hợp với Điều 27 (*trách nhiệm liên đới của vợ,chồng*), Điều 37 (*nghĩa vụ chung về tài sản của vợ, chồng*) của Luật hôn nhân và Gia đình 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền gốc và lãi trong hạn, tổng là 65.280.649 đồng x 5% = 3.264.032 đồng, theo Điều 147 BLTTDS và Điều khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 và Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ vào khoản Điều 463, 466, 468 và Điều 367 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 27 và khoản 6 Điều 37 Luật hôn nhân và Gia đình 2014;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội:

Ông Lường Văn B và bà Lò Thị H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng C những khoản tiền sau:

* Tiền nợ gốc: 52.000.000 (*năm mươi hai triệu*) đồng; gồm: 40.000.000 đồng vốn vay theo chương trình hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn và 12.000.000 đồng vốn vay theo chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

* Tiền nợ lãi:

- Lãi trong hạn: 13.280.649 (*mười ba triệu hai trăm tám mươi nghìn, sáu trăm bốn mươi chín đồng*); gồm: Lãi trong hạn khoản vay 40.000.000 đồng là 9.493.148 đồng; lãi trong hạn khoản vay 12.000.000 đồng là 3.787.501 đồng;

- Lãi quá hạn với mức 11,7%/năm: :

+ Khoản vay 40.000.000 đồng từ ngày 16/9/2021 đến khi trả hết nợ;

+ Khoản vay 12.000.000 đồng từ ngày 16/12/2021 đến khi trả hết nợ.

2. Án phí: Ông Lường Văn B và bà Lò Thị H phải chịu 3.264.032 (*ba triệu hai trăm sáu mươi tư nghìn, không trăm ba mươi hai*) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*19/5/2023*), đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4. Về thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TPĐBP;
- Các đương sự;
- Tòa án ND tỉnh ĐB;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Nhung